TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/DSST
Ngày: 29-11-2019.
V/v Tranh chấp Bồi thường thiệt hại
Do vi phạm hợp đồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hưởng**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Trần Phúc

Ông Thái Văn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019, về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 107/2019/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Ngọc P, sinh năm 1975

Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông P, bà T: Ông Huỳnh Văn Â, sinh năm 1969, địa chỉ cư trú: số 10/15b, hẻm 81, đường Cách mạng Tháng 8, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2019); có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1971

Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Ngọc P, bà Huỳnh Kim T và người đại diện hợp pháp của ông P, bà T ông Huỳnh Văn Â trình bày:

Ngày 15/5/2015, vợ chồng ông P, bà T có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Trần Thanh P và bà Nguyễn Thị G quyền sử dụng đất diện tích 8.659 m^2 đất tọa lạc tại: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh gồm hai phần cụ thể như sau:

- Diện tích 4.292 m^2; thuộc các thửa 1679, 1680, 1681, 1682, 2042, 2043, 2044, 2045; Tờ bản đồ số 10; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: H01417/276/2007/HĐ-CN cấp ngày 25/01/2007 do ông P đứng tên; Diện tích sau khi đo đạc là 4.254.0 m^2; nay thuộc các thửa: 1679, 1680, 1681, 1682, 2042, 2043, 2044, 2045 tờ bản đồ số 21.

- Diện tích 4.367 m^2; thuộc các thửa 2147, 2148, 2183, 2186; Tờ bản đồ số 10; GCNQSDĐ số: 01812QSDĐ/649 /2003/QĐUB cấp ngày 02/4/2003 do bà G đứng tên. Diện tích sau khi đo đạc là 5.165.8 m^2; nay thuộc các thửa: 2147, 2148, 2183, 2186, tờ bản đồ số 21.

Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 430.000.000 đồng. Ngày 18/5/2015 ông P và vợ chồng ông P có đến Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hai bên đã ký tên vào Hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ liên quan khác tại Địa chính xã L xong, lúc đó do bà T mới sinh con nên không đến xã ký tên. Cùng ngày ông P đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông P, bà G, có giấy nhận tiền. Khi về nhà, vợ chồng ông P đã tiến hành bàn giao đất cho vợ chồng ông P, bà T theo hợp đồng chuyển nhượng.

Khoảng hai, ba ngày sau, ông P chở bà T lên xã để ký giấy tờ chuyển nhượng thì Ủy ban nhân dân xã cho ông P biết việc có người đang thưa kiện vợ chồng ông P, bà G thiếu nợ không trả. Vì thế, Ủy ban nhân dân xã L không công chứng hợp đồng chuyển nhượng, giữ luôn hợp đồng chuyển nhượng và hai GCNQSDĐ, không cho vợ chồng ông P, bà G chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông P, bà T.

Do vợ chồng ông P, bà T đã nhận đất và giao tiền xong nên yên tâm quản lý và sử dụng đất. Đến ngày 19/4/2016, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh mời ông P đến Ủy ban nhân dân xã L, thông báo đã kê biên toàn bộ diện tích đất của ông P, bà T nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông P, bà G để thi hành án cho bà Lâm Thị Tuyết S số tiền là 306.000.000 đồng theo Quyết định số 69/2015/QĐDS-ST ngày 16/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Châu

Thành, tỉnh Tây Ninh. Ngày 29/4/2016, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh giao cho ông P Thông báo số 379/TB-THA về việc yêu cầu khởi kiện tại Tòa án để xác định quyền sở hữu đối với tài sản đã kê biên.

Ngày 04/5/2016, Ông P, bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh yêu cầu Tòa án giải quyết cho lưu thông hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông P, bà T và vợ chồng ông P, bà G. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018 ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tuyên: "Tuyên bố: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trương Ngọc P, bà Huỳnh Kim T với ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị G lập ngày 15/5/2015 vô hiệu.

Buộc ông Trương Ngọc P, bà Huỳnh Kim T giao trả lại cho ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị G diện tích 8.659 m^2 đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh gồm 02 phần cụ thể như sau:

+ Diện tích 4.292 m^2; thuộc các thửa 1679, 1680, 1681, 1682, 2042, 2043, 2044, 2045 ; Tờ bản đồ số 10; GCNQSDĐ số: H01417/276/2007/HĐ-CN cấp ngày 25/1/2007 do ông Trần Thanh P đứng tên; Nay thuộc các thửa: 231, 238, 239, 240, 241, 242, 246, 247 tờ bản đồ số 21 (bản đồ lưới năm 2010)

+ Diện tích 4.367 m^2; thuộc các thửa 2147, 2148, 2183, 2186; Tờ bản đồ số 10; GCNQSDĐ số: 01812QSDĐ/649/2003/QĐUB cấp ngày 02/4/2003 do bà Nguyễn Thị G đứng tên nay thuộc các thửa 255, 256, 257, 258, tờ bản đồ số 21 (bản đồ lưới năm 2010). Trên đất hiện ông P, bà T đang xạ lúa, ông P, bà T tiếp tục thu hoạch đến hết tháng 11/2018 âm lịch, sang tháng 12/2018 âm lịch giao trả đất lại cho ông P, bà G.

- Buộc ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả lại cho ông Trương Ngọc P, bà Huỳnh Kim T số tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) tiền chuyển nhượng đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên thời hạn thi hành án, án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo đối với bản án.

Ngày 22/10/2018, vợ chồng ông P, bà T có làm đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sở thẩm số 60/2018 ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ngày 29/5/2019 tại phiên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xét xử, xem xét nội dung kháng cáo của vợ chồng ông P, bà T. Sau khi được Hội đồng xét xử giải thích về nội dung hợp đồng, hình thức hợp đồng và quyền khởi kiện lại đối với vụ án về việc bồi thường thiệt hại của hợp đồng dân sự đối với ông P, bà G. Do đó, vợ chồng ông P, bà T đồng ý rút lại đơn kháng cáo,

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 18/2019/QĐ-PT ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trong đơn khởi kiện ông P, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh buộc ông Trần Thanh P và bà Nguyễn Thị G bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng cho vợ chồng ông P, bà T do không chuyển nhượng QSDĐ theo đúng hợp đồng số tiền 370.000.000 đồng (Ông P ước tính giá theo thị trường hiện nay là 800.000.000 đồng - giá mua bán 430.000.000 đồng = 370.000.000 đồng). Vì năm 2018 không có định giá tài sản tranh chấp diện tích đất nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án ông P, bà T yêu cầu Công ty TNHH thẩm định giá NoVa thành phố Hồ Chí Minh thẩm định giá trị đất. Tại chứng thư thẩm định giá số 19239/CT-NOVA ngày 25/9/2019 của công ty TNHH thẩm định giá NOVA thành phố Hồ Chí Minh, định giá đất tranh chấp có giá 504.724.000 đồng, Ông P, bà T cho rằng công ty định giá chưa chính xác và thấp hơn thị trường nên ngày 29/10/2019 ông P, bà T làm đơn đề nghị định giá lại tài sản tranh chấp và tạm nộp tiền tạm ứng chi phí định giá lại cho Tòa án, nhưng ông P, bà T đã rút yêu cầu không yêu cầu định giá lại. Đồng thời ngày 29/10/2019 ông P, bà T có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 295.276.000 đồng, ông P, bà T yêu cầu ông P bà G bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng số tiền 74.724.000 đồng.

Về án phí, chi phí tố tụng: Ông P, bà G phải chịu theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn - Ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị G - đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của ông P, bà G:*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 137; 604, 605; 608 Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Ngọc P, bà Huỳnh Thị T buộc ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông P bà T số tiền 74.724.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông P bà T vắng mặt, ủy quyền cho ông Â có mặt, bị đơn ông P, bà G vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông P, bà G.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về nội dung: Tại bản án dân sự sở thẩm số 60/2018 ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tuyên: "Tuyên bố: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trương Ngọc P, bà Huỳnh Kim T với ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị G lập ngày 15/5/2015 vô hiệu.

Buộc ông Trương Ngọc P, bà Huỳnh Kim T giao trả lại cho ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị G diện tích 8.659 m^2 đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh. gồm 02 phần cụ thể như sau:

+ Diện tích 4.292 m^2; thuộc các thửa 1679, 1680, 1681, 1682, 2042, 2043, 2044, 2045 ; Tờ bản đồ số 10; GCNQSDĐ số: H01417/276/2007/HĐ-CN cấp ngày 25/1/2007 do ông Trần Thanh P đứng tên; Nay thuộc các thửa: 231, 238, 239, 240, 241, 242, 246, 247 tờ bản đồ số 21 (bản đồ lưới năm 2010)

+ Diện tích 4.367 m^2; thuộc các thửa 2147, 2148, 2183, 2186; Tờ bản đồ số 10; GCNQSDĐ số: 01812QSDĐ/649/2003/QĐUB cấp ngày 02/4/2003 do bà Nguyễn Thị G đứng tên nay thuộc các thửa 255, 256, 257, 258, tờ bản đồ số 21 (bản đồ lưới năm 2010). Trên đất hiện ông P, bà T đang xạ lúa, ông P, bà T tiếp tục thu hoạch đến hết tháng 11/2018 âm lịch, sang tháng 12/2018 âm lịch giao trả đất lại cho ông P, bà G.

- Buộc ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả lại cho ông Trương Ngọc P, bà Huỳnh Kim T số tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) tiền chuyển nhượng đất.

Ngày 22/10/2018, vợ chồng ông P, bà T làm đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sở thẩm số 60/2018 ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ngày 29/5/2019 tại phiên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xét xử, giải thích về nội dung hợp đồng, hình thức hợp đồng và quyền khởi kiện lại đối với vụ án về việc bồi thường thiệt hại của hợp đồng dân sự

đối với ông P, bà G. Do đó, vợ chồng ông P, bà T đồng ý rút lại đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 18/2019/QĐ-PT ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Xét hậu quả pháp lý của hợp đồng dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại trình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường. Như vậy bản án sơ thẩm đã buộc ông P, bà G trả lại ông P, bà T 430.000.000 đồng tiền chuyển nhượng còn tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng tách ra giải quyết bằng vụ án khác ông P bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ. Xét về lỗi thì ông P, bà G có lỗi 100% như ông bà chuyển nhượng đất cho ông P, bà T nhưng tiền nhận chuyển nhượng ông P, bà G không trả tiền cho Bà S nên thuộc trường hợp cố tình tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ ba. Ông P, bà T không biết việc ông P, bà G thiếu tiền Bà S, ông P, bà G gây thiệt hại cho ông P, bà T nên ông P, bà G phải bồi thường giá tại thời điểm gây thiệt hại năm 2018, nhưng năm 2018 giải quyết tranh chấp giữa ông P, bà T với ông P, bà G không có định giá tài sản. Bà S có đơn yêu cầu thi hành án đối với ông P bà G thi hành án số tiền 306.000.000 đồng. Ngày 19/4/2016 Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành ra quyết định kê biên, Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành kê biên diện tích 8.659 m^2 đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Quá trình thi hành quyết định nêu trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành không thẩm định giá diện tích 8.659 m^2 đất nêu trên. Qua thu thập chứng cứ đất tranh chấp thực tế tại địa phương năm 2018 có giá từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng/ha. Như vậy giá đất tranh chấp năm 2018 và năm 2019 không thay đổi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo giá của Công ty TNHH thẩm định giá NoVa thẩm định đất trị giá 504. 724.000 đồng sau khi khấu trừ tiền chuyển nhượng 430.000.000 đồng, như vậy ông P, bà G bồi thường cho ông P, bà T số tiền 74.724.000 đồng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P, bà G từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không cung cấp chứng cứ nào khác chứng minh phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên ông P, bà G phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của ông P, bà T tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2019 đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P, bà G bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng số tiền 370.000.000 đồng, nhưng đến ngày 29 tháng 10 năm 2019 ông P, bà T có đơn xin rút yêu cầu số tiền 295.276.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu của ông P, bà T là hoàn toàn tự nguyện, Căn cứ điểm C Khoản 1 Điều 217, Khoản 2 Điều

244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông P, bà T về số tiền 295.276.000 đồng. Ông P, bà T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 137, 604, 605, Điều 608 của Bộ luật dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T buộc ông P, bà G có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng cho ông P, bà T số tiền 74.724.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T, buộc ông P, bà G bồi thường thiệt hại cho ông P, bà T 74.724.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng: Ông P, bà G phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 92; Điều 165; 166; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 137, 604, 605, 608 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc P, bà Huỳnh Thị T về "Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng"

Buộc Ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng cho ông P, bà T số tiền 74.724.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông P, bà T về số tiền 295.276.000 đồng. Ông P, bà T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông P, bà G phải chịu 3.736.200 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông P, bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông P, bà T 9.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0019958 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Về chi phí tố tụng: Ông P, bà G phải chịu 4.950.000 đồng chi phí định giá.

Ông P, bà T không phải chịu chi phí định giá, nhưng ông P, bà T đã tạm nộp và chi xong nên ông P, bà G có trách nhiệm trả lại cho ông P, bà T số tiền 4.950.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H Châu Thành;
- THADS H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã kí)

Phan Thị Hưởng